| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày: 20-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Trường Hận.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Đoàn Thị Huệ và bà Hồ Thị Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST-DS ngày 03/01/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐST-DS ngày 07/6/2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 17/TB-TA ngày 17/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà O, sinh năm 1948.

- *Bị đơn:* Chị P, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

*Các đương sự có mặt đủ*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn trình bày:* Chị P có tổ chức chơi hụi, bà O có tham gia thành viên. Năm 2018 và năm 2019 chị P có thiếu tiền hụi 40.000.000 đồng, nhưng chuyển qua tiền vay, chị P trả dần còn lại 14.000.000 đồng. Hụi áp ngày 10/4/2020, hụi 1.000.000 đồng, bà O tham gia 01 phần, chị P thiếu 18.000.000 đồng. Hụi áp ngày 05/01/2020, hụi 1.000.000 đồng, bà O tham gia 01 phần, chị P thiếu 20.000.000 đồng. Hụi áp ngày 20/5/2020, loại hụi 2.000.000 đồng, chị P thiếu 18.000.000 đồng. Tổng cộng 70.000.000 đồng, chị P trả được đến nay 1.500.000 đồng. Còn lại số tiền

là 68.500.000 đồng. Yêu cầu chị P trả số tiền này; bà O chỉ yêu cầu chị P trả nợ, không yêu cầu chồng chị P cùng trả.

- *Bị đơn trình bày:* Chị P có tổ chức chơi hụi, bà O có tham gia chơi. Năm 2018 và 2019 chị P chưa bể hụi nên không có thiếu tiền, ai hốt bao nhiêu đều giao tiền đủ. Hụi mở ngày 05/01/2020 còn thiếu 19.000.000 đồng; hụi mở ngày 10/4/2020 thiếu 13.000.000 đồng; hụi mở ngày 20/5/2020 còn thiếu 18.000.000 đồng. Hụi 25/8/2020, bà O 03 phần, 25/10 hốt 01 phần có giao tiền đủ, bà O phải đóng hụi chết 16.000.000 đồng, ngày 25/3/2021 bà O hốt 01 phần giao đủ tiền, bà O phải đóng hụi chết 14.000.000 đồng, ngày 25/4/2021 bà O hốt nhưng trừ hụi chết phần này, còn lại chị P giao tiền cho bà O, phần hụi này không thiếu. Như vậy dây hụi này bà O thiếu hụi chết của 02 phần là 30.000.000 đồng. Sau đó chị P trả dần cho bà O được 16.000.000 đồng. Cộng tất cả các phần phía trên trừ ra hụi chết 30.000.000 đồng và 16.000.000 đồng trả dần, phần còn lại chỉ thiếu bà O 4.000.000 đồng.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà O đối với dây hụi ngày 05/01/2020 là 18.500.000 đồng; dây hụi 10/4/2020 là 13.000.000 đồng; dây hụi ngày 20/5/2020 là 18.000.000 đồng. Tổng cộng 49.500.000 đồng, chị P trả được 4.000.000 đồng nên buộc chị P tiếp tục trả 45.500.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà O và chị P có hợp đồng góp hụi (Chị P là chủ hụi; bà O là thành viên), nay có tranh chấp bà O yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Bà O chỉ yêu cầu chị P trả nợ, không yêu cầu chồng chị P cùng trả; chị P đồng ý một mình chịu trách nhiệm. Đây là quyền lợi của đương sự, đương sự tự thỏa thuận nên không cần đưa chồng chị P vào tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự xác định không ai thuộc đối tượng được trợ giúp.

[2] Bà O yêu cầu chị P trả số tiền hụi là 68.500.000 đồng. Chị P không thống nhất mà chỉ thống nhất số nợ còn lại là 4.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì. Việc chơi hụi chỉ có 02 người thỏa thuận riêng với nhau, không công khai danh sách có đầy đủ họ tên, địa chỉ của thành viên tham gia, không mở họp thành viên tham gia góp hụi. Do đó, Tòa án cũng không thể tiến hành xác minh đối với các thành viên khác, mà chỉ căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án.

[3] Xét các dây hụi:

- Dây hụi năm 2018 và 2019 bà O cho rằng chị P thiếu bà 40.000.000 đồng và thỏa thuận chuyển qua nợ vay; nhưng bà O không cung cấp được tài liệu, chứng cứ; chị P không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận.

- Dây hụi ngày 05/01/2020, bà O trình bày chị P còn nợ 18.500.000 đồng, chị P trình bày còn nợ 19.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà O thống nhất chị P nợ 18.500.000 đồng nên chấp nhận số tiền 18.500.000 đồng.

- Dây hụi ngày 10/4/2020, bà O không nhớ hốt ngày tháng nào, cho rằng chị P còn thiếu 18.000.000 đồng. Chị P trình bày bà O hốt ngày 10/5/2021, chị P thiếu 13.000.000 đồng. Bà O trình bày nhưng không có tài liệu, chứng cứ, không nhớ ngày tháng hốt hụi nên lời bà O không được chấp nhận, chỉ chấp nhận 13.000.000 đồng chị P thừa nhận còn nợ.

- Dây hụi ngày 20/5/2020, hai bên thống nhất chị P còn nợ 18.000.000 đồng nên ghi nhận.

- Dây hụi ngày 25/8/2020, bà O trình bày không thiếu đủ, chị P trình bày bà O nợ lại chị P dây hụi này 30.000.000 đồng. Chị P trình bày bà O hốt hụi còn nợ chị P lại 30.000.000 đồng, bà O không thừa nhận lời trình bày của chị P nhưng chị P không có yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ và cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh bà O còn nợ số tiền này. Nếu chị P có tài liệu, chứng cứ thì có thể khởi kiện yêu cầu bà O trả số tiền của dây hụi này trong vụ án khác.

- Sau khi mãn hụi bà O trình bày chị P trả được 4.000.000 đồng, chị P trình bày trả được 16.000.000 đồng, nhưng chị P không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh trả được 16.000.000 đồng nên xác định chỉ trả được thêm 4.000.000 đồng theo lời thừa nhận của bà O.

[3] Qua phân tích các dây hụi, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận cho bà O đối với các dây hụi chị P thừa nhận gồm: Hụi mở ngày 05/01/2020 là 18.500.000 đồng;

hụi mở ngày 10/4/2022 là 13.000.000 đồng; hụi mở ngày 20/5/2020 là 18.000.000 đồng. Tổng cộng là 49.500.000 đồng. Bà O trình bày chị P trả được 4.000.000 đồng nên chị P có nghĩa vụ trả thêm 45.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà O đối với số tiền 23.000.000 đồng.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà O là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định. Chị P phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 45.500.000 đồng x 5% = 2.275.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 23, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về *"họ, hụi, biêu, phường";* các Điều 6, 12,14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1-** Chấp nhận một phần yêu cầu của bà O đối với chị P. Buộc chị P trả cho bà O số tiền 45.500.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà O đối với chị P đối với số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2-** Án phí sơ thẩm:

Bà O được miễn nộp án phí sơ thẩm.

Chị P phải chịu án phí là 2.275.000 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

**3-** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

**Ngô Trường Hận**